

Số: 1497/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 11 tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp  
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;  
Căn cứ Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2016 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quy định về quản lý tài nguyên  
nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;  
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số  
459/TTr-STNMT ngày 07 tháng 7 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa  
bàn tỉnh Kiên Giang.

*(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)*

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban  
nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ban  
ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban  
nhân dân các xã, phường, thị trấn; Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị và  
các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký *Thư*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 Quyết định;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT. Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT (05 bản);
- Website Kiên Giang;
- LĐVP, P.KT; P.TH;
- Lưu: VT, hdtan.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Thanh Nhân*  
**Nguyễn Thanh Nhân**

**Phụ lục**

**DANH MỤC HỒ, AO, ĐÀM, PHÁ KHÔNG ĐƯỢC SAN LẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**  
(Kèm theo Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Số TT	Tên công trình	Địa điểm	Dung tích (triệu m <sup>3</sup> )	Diện tích (m <sup>2</sup> )
<b>I</b>	<b>Thành phố Rạch Giá</b>			
1	Hồ chứa nước Vĩnh Thông	Phường Vĩnh Thông	0,49	
2	Hồ nhân tạo	Công viên An Hòa, phường An Bình		70.000,0
<b>II</b>	<b>Thành phố Hà Tiên</b>			
3	Hồ chứa nước Đông Hà Tiên	Thành phố Hà Tiên	1,00	
4	Hồ chứa nước Tam Phú Nhân	Phường Pháo Đài	0,15	
5	Hồ chứa nước Tiên Hải	Xã Tiên Hải	0,50	
6	Đầm Đông Hồ	Thuộc địa phận phường Đông Hồ và phường Tô Châu		13.843.600,0
<b>III</b>	<b>Thành phố Phú Quốc</b>			
7	Hồ chứa nước Dương Đông	Áp Bến Tràm, xã Cửa Dương	4,34	
<b>IV</b>	<b>Huyện Kiên Hải</b>			
8	Hồ chứa nước Bãi Nhà	Xã Lại Sơn	0,10	
9	Hồ chứa nước Bãi Cây Mến	Xã An Sơn	0,20	
<b>V</b>	<b>Huyện An Minh</b>			
10	Hồ chứa nước Vân Khánh Đông	Xã Vân Khánh Đông	0,60	
11	Hồ nước Đông Hòa	Áp Trung Hòa, xã Đông Hòa		28.512,0
12	Hồ nước Thạnh Đông	Áp Thạnh Tây, xã Đông Thạnh		44.640,0
<b>VI</b>	<b>Huyện U Minh Thượng</b>			
13	Hồ Hoa Mai	Áp Cộng Sự, xã An Minh Bắc thuộc Vườn Quốc Gia U Minh Thượng		20.982,4
<b>VII</b>	<b>Huyện Kiên Lương</b>			
14	Hồ chứa nước Kiên Lương	Khu phố Lò Bơm, thị trấn Kiên Lương		1.308.384,0
15	Hồ chứa nước Hòn Chông	Thuộc địa phận ấp Bãi Giếng và ấp Bình Đông, xã Bình An		150.000,0
16	Hồ chứa nước Rạch Đùng	Áp Rạch Đùng, xã Bình Trị,		7.800,0
17	Hồ chứa nước Núi Sơn Trà	Áp Ba Núi, xã Bình An		25.000,0
18	Hồ sen (cũ)	Khu phố Cư Xá, thị trấn Kiên Lương		33.972,0
19	Hồ Cống Tre	Khu phố Cư Xá, thị trấn Kiên Lương		145.642,0
20	Đầm nhà máy nước Xi măng Kiên Lương	Khu phố Tám Thước, thị trấn Kiên Lương		194.880,0



Số TT	Tên công trình	Địa điểm	Dung tích (triệu m <sup>3</sup> )	Diện tích (m <sup>2</sup> )
<b>VIII</b>	<b>Huyện Giang Thành</b>			
21	Hồ chứa nước Đông Hà Tiên	Xã Phú Mỹ	1,00	
22	Hồ chứa nước Vĩnh Phú	Xã Vĩnh Phú	0,08	
23	Hồ chứa nước tại xã Tân Khánh Hoà	Xã Tân Khánh Hoà		6.000,0
24	Hồ chứa nước tại xã Phú Mỹ	Xã Phú Mỹ		30.236,0
<b>IX</b>	<b>Huyện Giồng Riềng</b>			
25	Hồ chứa nước thị trấn Giồng Riềng	Khu phố 06, thị trấn Giồng Riềng	0,02	

